

A-lại-da là Tàng thức gồm có Năng tàng, Sở tàng, Ngã ái chấp tàng. Trong đó Ngã ái chấp tàng là đầu mối của mê lầm, phát sanh phiền não tạo nghiệp, chịu luân hồi sanh tử. Vậy khi nào dứt hết Ngã ái chấp tàng là bỏ tên A-lại-da. (Chứ không phải cả bỏ thức thứ tám).

Ba địa vị vô học của Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát, dứt hết phiền não chướng, bỏ Ngã ái chấp tàng, nên ở ba địa vị này không còn có tên A-lại-da.

Nghĩa là ở địa vị A-la-hán, Độc giác phật và Bồ-tát từ đệ bát địa trở lên đều bỏ tên A-lại-da, vì không còn chấp ngã.

Thức thể chỉ có một, theo nghĩa mà đặt tên ra nhiều tên, tùy mỗi địa vị này mà bỏ tên này nhận tên khác chứ không phải bỏ tên là bỏ luôn cả thể. Vì chủng tử các pháp nếu không phải là hữu lậu thì là vô lậu, lúc nào cũng có, nếu không có thức thể thứ tám để duy trì thì các chủng tử kia tiêu mất, trở thành đoạn diệt, cho nên khi nào cũng có thức thể thứ tám để duy trì các chủng tử, và không trở thành đoạn diệt. Thức thể thứ tám luôn luôn có nhưng thay đổi tên gọi tùy theo sự thay đổi tính chất. Khái quát có hai địa vị nhiễm và tịnh rõ rệt. Ở địa vị nhiễm tức địa vị hữu lậu thì gọi là A-lại-da hoặc Dị thực, nó tương ứng với năm tâm sở Biến hành. Ở địa vị tịnh tức địa vị vô lậu, đã chuyển thành trí, thì gọi là vô cấu thức, cũng gọi là bạch tịnh thức, nó tương ứng với hai mươi một Tâm sở là năm Biến hành, năm Biệt cảnh và mười một Thiện.

Còn các tên Tâm, A-đà-na, Sở tri y, Chủng tử thức thứ tám thì cả các địa vị nhiễm tịnh đều có, và chỉ tương ứng với năm tâm sở Biến hành.

(3). Đoạn này lấy Thánh giáo để chứng minh ngoài bảy chuyển thức, có thức thứ tám.

Một là dẫn kinh giáo để chứng minh, gồm có ba kinh Đại thừa và bốn kinh Nikaya A-hàm thuộc các bộ phát hành trì.

a. Kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma có hai bài kệ, một bài bắt đầu câu “Vô thủy thời lai giới”... đến “Cấp Niết-bàn chứng đắc”. Một bài bắt đầu câu: “Do nhiếp tàng chư pháp”... đến “Thắng giả ngã khai thị”.

b. Kinh Giải Thâm Mật một bài kệ bắt đầu câu:

“A-đà-na thức thậm thậm thâm tế”... đến “Khủng bĩ phân biệt chấp vì ngã”.

c. Kinh Nhập Lăng già một bài kệ bắt đầu câu: “Như hải ngộ phong duyên”... đến “Hiện tiền tác dụng chuyển”.

Tiếp đó là dẫn lời bốn kinh thuộc các bộ phái hành trì:

a. Trong kinh A-cấp-ma (A-hàm) thuộc Đại chúng bộ có mật ý nói: “Thức căn bản”. Nên biết thức căn bản đây là chỉ cho thức thứ tám này, chứ không thể chỉ cho thức nào hay pháp nào khác được.

b. Kinh và Phân biệt luận giả thuộc Thượng tọa bộ cũng mật ý nói đến tên: “Hữu phần thức”. Nên biết cũng để chỉ thức thứ tám này chứ không thức nào khác, hay pháp nào khác.

c. Trong kinh thuộc Hóa địa bộ cũng mật ý nói đến tên: “Cùng sanh tử uẩn”. Nên biết cũng chỉ thức thứ tám mới đi đến tận cùng ngàn mé sanh tử (tức bắt đầu Niết-bàn giải thoát) chứ không thức nào được như vậy.

d. Kinh Tăng Nhứt thuộc Nhất thiết hữu bộ cũng mật ý nói đến tên: “A-lại-da”. Nên biết chỉ thức thứ tám có tên ấy, chứ không thức nào có được.

Hai là dẫn lý nghĩa đã được nói trong kinh để làm chứng có A-lại-da, có mười lý:

- a. Kinh nói đến “Tâm tập khởi”.
- b. Kinh nói đến “Tâm Dị thực”.
- c. Kinh nói đến “Chủ thể của ba cõi, năm thú, bốn loài sanh”.
- d. Kinh nói đến “Có thức chấp giữ và lãnh thọ thân căn”.
- đ. Kinh nói đến “Thọ, Noãn, Thức”.
- e. Kinh nói đến “Tâm trong khi sanh và trong khi chết”.
- g. Kinh nói “Hành duyên thức, thức duyên danh sắc”.
- h. Kinh nói đến “Bốn cách ăn trong đó có thức thực”.
- i. Kinh nói “Diệt tận định vẫn có thức”.
- k. Kinh nói đến “Tâm thanh tịnh, Tâm tạp nhiễm”.

Nếu không có thức thứ tám để giải thích cho chữ Tâm, chữ Thức và các việc nói trong kinh như trên, thì không biết lấy gì để giải thích thích đáng các nghĩa trong lời kinh đó.

Trên vừa nói trong mười hai nhân duyên có thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức, hành duyên thức, thức đây là thức nào? Nếu nói thức đây là chuyển thức thì không được, vì chuyển thức có sanh diệt gián đoạn không thể thọ huân trì chủng tử. Hành là hành động, nghiệp, thức đây là Dị thực quả thức. Thức thứ tám do hành động huân tập thành chủng tử nghiệp lực làm chuyển biến thức thứ tám thành Dị thực thức. Dị thực thức hình thành là do hành. Vậy nếu không có thức thứ tám duy trì chủng tử nghiệp của hành huân tập, thì chủng tử đó tiêu tan, lấy gì mà làm duyên sanh danh sắc. Vậy chính chủng tử thức Dị thực và chủng nghiệp do hành huân tập thành, chung lại gọi là “thức chi”. Và chính

chi này làm duyên cho danh sắc. Còn nếu nói hành duyên thức mà thức là thức kiết sanh ô nhiễm thì cũng không được. Thức kiết sanh ô nhiễm là thức trong tham ái, tật đố trong lúc đi tìm duyên cha mẹ để thọ sanh. Nó là ái, tắng, thuộc phiền não, chứ không thuộc nghiệp. Vậy nói hành duyên thức là thức kiết sanh ô nhiễm cũng không được. Nếu hành làm duyên danh sắc thì cũng không được, vì hành và danh sắc gián cách nhau đâu có thể làm duyên được, vì hành và danh sắc gián cách đâu có thể làm duyên được. Và nếu hành làm duyên danh sắc được thì mất hết thứ tự mười hai nhân duyên.

Luận Du-già Sư địa ghi:

Hỏi: Vì sao vô minh duyên hành, hành duyên danh sắc v.v... có thứ lớp như vậy?

Đáp: Vì kẻ ngu trước hết là ngu đối với điều đáng phải hiểu đúng, hiểu rõ (vô minh) từ đó phát sanh hành động tà ác (hành), do hành động tà ác làm cho tâm điên đảo; thức do tâm điên đảo nên kiết sanh tương tục (danh sắc bào thai), do kiết sanh tương tục nên các căn đầy đủ (lục, nhập, xúc), do các căn đầy đủ nên thọ dụng cảnh (thọ); do thọ dụng cảnh nên đắm trước, hy cầu (ái); do hy cầu nên tìm cầu, phiền não lớn mạnh (thủ), do phiền não lớn mạnh phát khởi nghiệp đáng ưa không đáng ưa đời sau (hữu); do nghiệp lực lớn mạnh nên sanh quả khổ trong năm thú (sanh); khổ quả đã sanh nên có già chết (lão tử), nội thân già chết khổ, ngoại cảnh biến đổi sanh ưu sầu nhiệt não khổ. (Thành đại khổ tộ).

Như thế hành đã không thể vượt bỏ thức để trực tiếp làm duyên cho danh sắc, thì các chi sau cũng thế, không thể bỏ bằng thứ lớp mà làm duyên cho chi khác được.

Lại chúng sanh có khi hữu lậu ô nhiễm, có khi vô lậu thanh tịnh, khi ở địa vị hữu lậu phải có thức thứ tám thì mới thành “hành làm duyên”. Tức thì khi ở địa vị thanh tịnh cũng phải có thức thứ tám duy trì chủng tử vô lậu mới thành thanh tịnh các bậc Thánh được. Nếu không có thức thứ tám thì không có gì duy trì chủng tử vô lậu, mà không có chủng tử vô lậu thì không thể tu nhân giải thoát, chứng quả Niết-bàn. Không thể nói chủng tử hữu lậu sanh ra chủng tử đạo vô lậu xuất thế được.

Pháp thanh tịnh tức pháp tu chứng của ba Hiền mười Thánh. Có ba thứ khác nhau: Một là đạo thế gian, tức chỉ các pháp tu tập trước khi lên thập địa; hai là đạo xuất thế gian, tức các pháp tu tập ở thập địa; ba là đoạn quả kết quả dứt trừ mê hoặc do tu hai đạo trên. Nếu không có

thức thứ tám duy trì chủng tử đạo thế gian, chủng tử đạo xuất thế gian, thì tu gì mất nấy, không có chủng tử tức không có nhân, không có nhân thì không sanh quả, không giải thoát khỏi mê lầm khổ đau. Như khi đang tu đạo thế gian về Tứ Thiên Tứ Không, lại tu quán vô ngã. Khi nhập quán vô ngã đó là tu đạo xuất thế gian, khi xuất quán vô ngã trở lại Tứ Thiên Tứ không, thì đó là trở lại đạo thế gian. Không thể nói từ đạo thế gian sanh ra đạo thế gian được. Đem tâm còn hữu ngã thế gian mà nghe Chánh pháp huân tập thành chủng tử vô lậu xuất thế gian, thì đó là huân trưởng chứ không phải huân sanh. Vì tâm hữu lậu nghe pháp chỉ giúp cho chủng tử vô lậu sẵn có được lớn mạnh để đoạn hết phiền não mà được giải thoát, chứ không phải nó làm sanh ra chủng tử vô lậu, ngược lại cũng vậy.

(4). Thức tư lương năng biến thứ hai được định nghĩa trong mười hai câu tụng, từ câu “Thức năng biến thứ hai”... đến câu “Xuất thế đạo, không còn”. Gồm có mười mục:

- a. Thích tên.
- b. Sở y (tức nương kia chuyển).
- c. Sở duyên (tức trở lại duyên kia).
- d. Thể tánh (tức tư lương làm tánh).
- đ. Hành tướng (tức thẩm tự tư lương).
- e. Nhiễm cấu (tức bốn phiền não).
- g. Dư tương ứng (tức xúc khác thấy).
- h. Tam tánh (tức hữu phú vô ký).
- i. Giới hệ (tương sanh theo A-lại-da).
- k. Phục đoạn (tức hai câu tụng chót).

Luận văn lần lượt giải thích mười mục đó.

(5). Đoạn này giải thích danh từ Ý (Mạt-na). Ý có nghĩa là hằng thường thẩm xét tư lương nên gọi là Ý. Nó khác với Ý thức ở chỗ: Thức này gọi là Mạt-na hay Ý thức, là đặt tên theo lối trì nghiệp. Tức căn cứ đức tính khả năng mà đặt tên, do tánh thẩm xét tư lương của nó mà gọi nó là Ý thức. Nghĩa là thức tức ý, giống như Tạng thức, là đặt tên theo lối trì nghiệp. Thức có khả năng chứa nhóm gọi là Tạng. Tạng tức thức, nên gọi là Tạng thức. Lấy đức tính của chính nó mà đặt tên cho nó, chứ không phải dựa vào cái không để đặt tên. Như nhãn thức là dựa nhãn căn mà đặt tên nhãn thức. Đây là cách đặt tên theo lối y chủ.

(6). Đoạn này giải thích chữ “Nương kia chuyển” của bài tụng. Kia là chỉ cho thức thứ tám. Có hai ý kiến: Một là Mạt-na chỉ nương chủng tử của nó trong thức thứ tám mà khởi lên. Hai là Mạt-na nương

cả chủng tử của nó trong thức thứ tám và đồng thời nương cả hiện thức thứ tám mà khởi lên. Ý thứ hai đúng hơn. Vì Mạt-na là thức có chuyển dịch, khi có Thánh đạo khởi lên thì nó chuyển nhiễm thành tịnh.

Nhưng Mạt-na cũng như Tâm, Tâm sở khác đều có ba chỗ nương: Một là nhân duyên y tức chủng tử y; hai là Tăng thượng duyên y tức Câu hữu y; ba là Đẳng vô gián duyên y tức Khai đạo y.

Trước hết nói về chủng y. Có hai ý kiến: Một ý kiến cho rằng chủng tử và hậu quả không đồng thời, chủng tử diệt rồi thì hiện quả mới sanh; như hạt giống diệt mới có mầm sanh. Ý kiến thứ hai cho chủng tử và hiện quả đồng thời, giống như ngọn lửa và tim đèn đồng thời. Tức là tim đèn sanh ngọn lửa, ngọn lửa đốt cháy tim đèn. Tim đèn sanh ngọn lửa là thí dụ chủng tử sanh hiện hành, lửa đốt cháy tim đèn là thí dụ hiện hành huân chủng tử; nếu tim đèn giờ trước trông đến tim đèn giờ sau là thí dụ chủng tử dẫn chủng tử; ngọn lửa giờ trước trông đến ngọn lửa giờ sau là thí dụ hiện hành dẫn hiện hành. Trong đó chủng dẫn chủng thuộc nhân duyên y, nhưng không đồng thời; còn chủng sanh hiện, hiện huân chủng tử cũng thuộc nhân duyên y, nhưng là đồng thời; chỉ có hiện dẫn hiện là thuộc Đẳng vô gián duyên y, và không đồng thời.

Thứ đến là Câu hữu y. Có bốn ý kiến khác nhau, nhưng ý kiến thứ tư là đúng nhất.

Cuối cùng là Khai đạo y. Có ba ý kiến. Ý kiến thứ nhất cho rằng năm thức trước vì bị gián đoạn nên không thể tự làm Khai đạo y cho mình, phải nhờ thức thứ sáu làm Khai đạo y. Ý kiến thứ hai cho rằng chư Phật khi được tự tại rồi năm thức hỗ dụng vẫn làm Khai đạo y cho nhau được, vì nơi Phật luôn luôn có tâm nhiệm vận quyết định, chứ không có tâm tầm cầu như các chúng sanh khác.

Nên biết khi tâm duyên đến sự vật có năm hành tướng (trạng thái) là:

- a. Suất nhĩ tâm, khi gặp cảnh vụt khởi lên.
- b. Tâm cầu tâm, tìm cầu đạt đến cảnh đó.
- c. Quyết định tâm, thẩm trí cảnh đó rõ ràng quyết định.
- d. Nhiễm tịnh tâm, đối với cảnh đó hoặc ưa hoặc chán, sanh tâm nhiễm tịnh.

đ. Đẳng lưu tâm, niệm niệm duyên cảnh đó trước sau liên tục. Năm thức trước chỉ có bốn, trừ tâm tầm cầu, vì năm thức trước chỉ có tự tánh phân biệt, chứ không có tùy niệm và kế đạt phân biệt. Thức thứ sáu thì đủ cả năm tâm. Thức thứ bảy chỉ có ba tâm là quyết định, nhiễm tịnh, đẳng lưu. Vì thức thứ bảy thường duyên cảnh hiện tại nên không có

tâm suất nhĩ và tâm cầu. Thức thứ tám thì có ba tướng là suất nhĩ, quyết định, đẳng lưu. Suất nhĩ đây là chỉ thức thứ 8 khi mới thọ sanh.

Ý kiến thứ ba mới là đúng, như trong luận nói rõ. Hai ý kiến đầu là của Nan Đà và An Huệ, cho tám thức trông nhau đắp đổi làm Khai đạo y cho nhau; còn ý kiến thứ ba là của Hộ Pháp cho rằng tám thức, mỗi tự loại niệm trước làm Khai đạo y cho niệm sau.

(7). Đoạn này nói về cảnh sở duyên của Mạt-na.

Cảnh sở duyên của Mạt-na chia làm hai giai đoạn. Giai đoạn chưa chuyển y, và giai đoạn đã chuyển y.

- Giai đoạn chưa chuyển y: Có bốn ý kiến:

a. Nan Đà chủ trương Mạt-na duyên Tâm vương, Tâm sở thức thứ tám làm cảnh.

b. Hỏa Biện chủ trương Mạt-na duyên kiến phần, tướng phần Tâm vương thức thứ tám làm cảnh. Duyên kiến phần chấp làm ngã, duyên tướng chấp làm ngã sở.

c. An Huệ chủ trương Mạt-na duyên hiện hành và chủng tử thức thứ tám làm cảnh. Duyên hiện hành chấp làm ngã, duyên chủng tử chấp làm ngã sở.

d. Hộ Pháp chủ trương Mạt-na chỉ duyên hiện hành kiến phần thức thứ tám làm cảnh, và chấp làm ngã. Ngã và ngã sở không phải chỉ có hai cảnh riêng biệt, không thể lìa ngã có ngã sở mà chỉ có một ngã kiến diễn dịch ra ngã và ngã sở, chứ không phải hai thứ riêng biệt nhau. Mạt-na duyên thức thứ tám chấp làm ngã, rồi lại chấp đó là ngã của ta, ngã của ngã mà thành ngã sở thôi.

- Giai đoạn đã chuyển y: Mạt-na chuyển thành Bình đẳng tánh trí, chứng được mười tánh bình đẳng, thì không chỉ duyên Tạng thức mà cùng duyên chơn như và hết thủy pháp. Nhờ biết rõ tri giải của Bồ-tát Thập địa sai khác như thế nào, mà khởi hiện thân hiện độ tha thọ dụng để thuyết pháp giáo hóa. Đó gọi là “Như Lai hiện khởi tha thọ dụng, Thập Bồ-tát sở bị cơ”.

Kinh Phật Địa nói mười thứ bình đẳng tánh như sau:

a. Các tướng tăng thượng hỷ lạc bình đẳng.

b. Hết thủy lãnh thọ duyên khởi bình đẳng.

c. Xa lìa dị tướng phi tướng bình đẳng.

d. Đại từ hoằng tế bình đẳng.

đ. Đại từ không chờ đợi bình đẳng.

e. Thị hiện theo sở lạc của hữu tình bình đẳng.

g. Nói ngã ái của hữu tình bình đẳng.

- h. Thế gian đồng một vị tịch tịnh bình đẳng.
- i. Pháp khổ lạc của thế gian nhất vị bình đẳng.
- k. Tu trồng vô lượng công đức rốt ráo bình đẳng.

Mạt-na từ thức đệ bát sanh lại duyên thức đệ bát giống như thức niệm trước sanh lại duyên thức niệm trước. Như vậy khi Mạt-na lấy thức thứ tám làm chỗ nương, đó là tăng thượng duyên, khi lấy thức thứ tám làm cảnh sở duyên, đó là sở duyên duyên.

Mạt-na lấy tư lương làm tự tánh và hành tướng của mình.

(8). Mạt-na thường tương ứng với bốn thứ Tâm sở là ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái. Do Mạt-na có bốn thứ phiền não quá tội lỗi này, nên dù có tu sáu độ hạnh như bố thí, trì giới v.v... vẫn không vong tướng, vẫn thành hữu lậu, cho nên gọi là tạp nhiễm. Nếu muốn giải thoát, trước phải siêng năng quán lý vô ngã, trừ hết bệnh vọng chấp mới giải thoát được. Song bệnh chấp ngã của thức Mạt-na thuộc loại câu sanh rất vi tế, rất khó diệt trừ. Tự nó không thể quán vô ngã, phải nhờ ý thức thứ sáu có tâm sở Chánh tuệ tương ứng mới quán sát đứng đắn lý vô ngã, huân tập chủng tử kiến giải vô ngã vào Tạng thức, bồi cho chủng tử vô lậu vô ngã vốn có, được phát triển mạnh lên cho đến khi thành thực, có thật trí vô lậu hiện tiền, rồi dùng trí ấy nhiều lần tu quán sau đó mới có thể dứt sạch bốn thứ phiền não ấy.

Tại sao Mạt-na không tự quán vô ngã mà phải nhờ Ý thức quán? Vì khi đang mê, nghĩa là khi chưa chuyển y, Mạt-na mê lầm rất trầm trọng, không tự đứng dậy được. Và lại chính ý thức tuy bị Mạt-na lây nhiễm, những ý thức có tiếp xúc bên ngoài và trở lại bồi dưỡng Mạt-na. Nếu nó bồi dưỡng những điều ô nhiễm thì ngã chấp của Mạt-na càng sâu đậm bền chắc thêm, còn nếu nó nghe được giáo lý vô ngã, rồi quán vô ngã thì Mạt-na mất sự bồi dưỡng ngã, trái lại làm cho ngã chấp của Mạt-na biến dần đi cho đến khi tiêu mất, để chuyển thành trí bình đẳng tánh, bấy giờ nó lại luôn luôn tương ứng với hai mươi một Tâm sở như A-lại-da.

Ngoài bốn phiền não này, Mạt-na còn tương ứng với phiền não nào nữa không? Đối việc này có năm ý kiến:

- a. Chủ trương nó không còn tương ứng với Tâm sở nào nữa hết.
- b. Chủ trương nó tương ứng với mười lăm Tâm sở. Tức là bốn căn bản phiền não, năm Biến hành, thêm năm tùy phiền não là hôn trầm, trạo cử, bất tín, giải đãi, phóng dật và Biệt cảnh tuệ.
- c. Chủ trương nó tương ứng với mười chín Tâm sở, tức mười lăm thứ trên cộng thêm niệm, định, tuệ và hôn trầm.

d. Chủ trương nó tương ứng với hai mươi bốn Tâm sở. Tức là bốn Căn bản phiền não, năm Biến hành, mười Tùy phiền não, cộng thêm năm Biệt cảnh.

e. Hộ Pháp chủ trương nó tương ứng với mười tám Tâm sở. Tức là bốn Căn bản phiền não, năm Biến hành, tám Đại tùy phiền não, thêm Biệt cảnh tuệ.

(9). Đoạn này giải thích Mạt-na tương ứng với thọ nào? Có ý kiến cho nó tương ứng xả thọ, có ý kiến cho nó tương ứng với bốn thọ ưu, lạc, hỷ, xả. Nhưng đúng nhất là ý kiến cho nó chỉ tương ứng với xả thọ.

Mạt-na cũng như Tạng thức khi đã chuyển y rồi thì tương ứng với hai mươi một Tâm sở là năm Biến hành, năm Biệt cảnh, mười một Thiện, và Xả thọ.

Còn tánh của Mạt-na khi chưa chuyển y là hữu phú vô ký mà khi đã chuyển y thì chỉ là thiện tánh.

Khi chưa chuyển y thì tùy thức A-lại-da sanh cõi địa nào, nó đều hệ thuộc theo mà chấp ngã theo cõi ấy, địa ấy. Khi đã chuyển y thì tự tại không còn hệ thuộc.

(10). Đoạn này nói đến địa vị khắc phục và dứt trừ Mạt-na có hai:

- Một là không có Mạt-na ô nhiễm. Đó là ở địa vị A-la-hán, Vô học, các chủng tử lẩn hiện hành Mạt-na ô nhiễm đều dứt sạch. Còn địa vị khi nhập Diệt tận định thì cũng tạm thời dẹp trừ, nhưng khi xuất định thì vẫn còn. Bậc Hữu học cũng vậy, khi có đạo xuất thế hiện tiền thì không có Mạt-na ô nhiễm, khi đạo xuất thế không hiện tiền thì lại có. Chơn kiến thật thấy lý vô ngã và hậu đắc trí, đều là vô lậu, nên gọi là xuất thế đạo; khác với lối tu còn hữu ngã gọi là thế gian đạo.

- Hai là có Mạt-na thanh tịnh, vì Mạt-na xuyên suốt cả địa vị nhiễm và không ô nhiễm. Nếu có tương ứng với Bồ-đặc-già-la ngã kiến (tức câu sanh ngã chấp) thì từ phàm phu cho đến bậc Hữu học, khi không quán vô ngã thì đều có Mạt-na ô nhiễm. Nếu nó tương ứng với pháp ngã kiến, thì từ phàm phu đến Thanh-văn, Duyên-giác và một hạng Bồ-tát chưa có trí quả pháp không, thì đều có Mạt-na vừa nhiễm vừa tịnh. Nếu nó tương ứng với Bình đẳng tánh trí thì chỉ có ở Như Lai. Đây là Mạt-na thanh tịnh.

(11). Đoạn này dẫn Thánh giáo để chứng minh có thức Mạt-na riêng ngoài bảy thức kia.

Dẫn giáo chứng có hai:

1. Trong nhiều kinh, đức Bạt-già-phạn nói đến tâm, ý, thức. Theo nghĩa đặc biệt trỗi hơn thì tâm có nghĩa là tập khởi, ý có nghĩa là tư lương; thức có nghĩa đặc biệt, là liễu biệt. Còn theo nghĩa thông đồng thì tâm, ý, thức đều có đủ ba nghĩa là tập khởi, tư lương và liễu biệt. Như vậy nói ý tức là chỉ cho thức Mạt-na. Trong mọi trường hợp lúc nào cũng có thức Mạt-na, vì khi ở địa vị tâm hữu lậu từ phàm phu, Nhị thừa Hữu học và Bồ-tát trước đệ bát địa, thì Mạt-na thường duyên thức A-lại-da, hằng thẩm xét tư lương Bồ-đặc-già-la, tức nhân ngã hay sanh ngã chấp. Ở địa vị nhập Diệt tận định và địa vị có trí quả sanh không hiện tiền thì Mạt-na thường duyên thức Dị thực, hằng thẩm tư lương pháp ngã chấp. Ở địa vị Bồ-tát địa thượng khi trí quả sanh không hiện tiền, thì Mạt-na duyên thức Dị thực, hằng thẩm tư lương hai vô ngã, ở địa vị Như Lai thì Mạt-na duyên vô cấu thức, hằng thẩm tư lương hai vô ngã.

Tiểu thừa thì lấy tâm quá khứ làm ý, tâm hiện tại làm thức, tâm vị lai làm tâm. Một tâm có ba tên theo ba đời.

Bạt-già-phạn tức Tứ Thế Tôn. Theo kinh Phật địa, đủ sáu nghĩa gọi là Bạt-già-phạn.

- a. Tự tại, vĩnh viễn không hệ thuộc theo phiền não.
- b. Xí thanh, lửa trí mãnh liệt.
- c. Danh xưng, viên mãn mọi công đức thù diệu.
- d. Đoan nghiêm, đủ ba mươi hai tướng tốt.
- đ. Cát tướng, thế gian thân cận, tán thán cúng dường.
- e. Tôn quý, phát huy phương tiên, lợi lạc hữu tình, không hề giải đãi.

Hoặc phá hoại bốn ma, gọi là Bạt-già-phạn.

2. Trong kinh Giải Thoát có tụng: “Nhiễm ô ý hằng thời, Cùng các hoặc sanh diệt, Nếu giải thoát các hoặc, Chẳng đã và sẽ có”. Nhiễm ô ý đây tức là thức Mạt-na, hằng thời tương ứng với bốn căn bản phiền não là ngã si, kiến, mạn, ái. Khi nhờ có đạo đối trị (quán không vô ngã) dứt hết phiền não thì Mạt-na được giải thoát, bấy giờ phiền não tương ứng với nó chẳng những hiện tại không có, mà quá khứ vị lai cũng không có; vì phiền não không có tự tánh thật. Do một niệm vọng tình hiện tại mà chứa đủ vô lượng chủng tử hoặc, nghiệp, khổ quá khứ để sanh ra vô lượng hoặc nghiệp, khổ trong vị lai. Nhưng quá khứ thì đã mất, vị lai thì chưa đến, chỉ một sát-na tâm hiện tại, tâm hiện tại thay đổi không ngừng, đâu có thật thể. Dựa vào vọng tâm mà thấy có ba đời, nếu tìm tâm không thấy được, thời hiện tại đã không, ba đời đâu có. Chỉ khi nào ngay tại chỗ ngồi hiện tại mà dứt hết vọng niệm ba đời, mới thấu đạt

được ba đời. Lại tìm tâm không thấy được, thì còn hình tướng cách ngại, ngay khi đó mười phương tiêu vong trí sáng chiếu khắp mười phương, như Cổ đức nói đây là nghĩa câu “Phiền não chẳng đã có, chẳng sẽ có”.

Do đạo đối trị tức trí quán hai không mà thấy rõ phiền não vốn không tự tánh. Đã không tự sanh, cũng không tha sanh, không tự tha cộng sanh, không vô nhân sanh, chỉ là nhân duyên hòa hiệp hư vọng có sanh. Ngay khi vọng sanh, vốn không ở trong, không ở ngoài, không ở trung gian, không ở quá khứ, không ở hiện tại, không ở vị lai, sanh tức vô sanh, rốt ráo không tự tánh. Tự tánh đã không, tha tánh đâu có, tự tha đã không, cộng tánh đâu có, nói có sanh còn không được, huống là nói vô nhân sanh. Quán sâu sắc như vậy không ngừng thì giải trừ sự huân tập mới, và chủng tử nghiệp hoặc tự tiêu. Cho nên phần quyết trạch trong luận Du-già nói: “Hỏi: Khi dứt phiền não là xả bỏ trói buộc (triền, hiện hành) hay xả bỏ tùy miên (chủng tử phiền não)? Đáp: Chỉ xả bỏ tùy miên, thì trói buộc hết. Hỏi: Bỏ tùy miên quá khứ, hay tùy miên hiện tại, hay tùy miên vị lai? Đáp: Chẳng phải dứt quá khứ, vị lai, hiện tại, nhưng nói tùy miên ba đời dứt. Vì sao? Vì nếu quá khứ có tâm tùy miên thì nó đã tự diệt, tánh nó đã dứt, còn dứt cái gì? Nếu ở vị lai có tâm tùy miên, thì tánh nó vốn chưa sanh, tự thể đã không có, thì sẽ dứt cái gì? Nếu ở hiện tại có tâm tùy miên, thì sát-na nó sau biến chuyển, không trụ, không cần phải dứt. Lại tâm có tùy miên và tâm lìa tùy miên, không hòa hợp nhau, cho nên hiện tại chẳng phải dứt. Nhưng do nhân duyên của chánh pháp bên ngoài và chơn chánh tác ý bên trong, mà có chánh kiến phát sanh. Tùy khi tâm đối trị các hoặc bị đối trị phát ra, mà các tâm tùy miên bị đối trị diệt. Ngay khi tâm này sanh, tâm kia diệt, bình đẳng bình đẳng. Đạo đối trị sanh, tùy miên bị đối trị diệt. Khi tâm đối trị có chánh kiến tương ứng, thì ngay ở hiện tại không có tùy miên, mà ở quá khứ cũng không có tùy miên, sát-na sau tâm lìa tùy miên, nên đời vị lai cũng không có tùy miên. Từ đây đã được chuyển ý, đã dứt tùy miên, nhờ đó ngay trong thân tương tục này sẽ có được tâm thiện vô ký thuộc thế gian (nghĩa là điều thiện này còn sanh diệt). Ở vị trí quá khứ, hiện tại, vị lai đều lìa tùy miên, cho nên nói tùy miên ba đời đều dứt”.

(31). Đoạn này dẫn chánh lý chứng minh có thức Mạt-na riêng ngoài bảy thức kia. Trên là giáo chứng có hai, đây là lý chứng có sáu, là: Hằng hành vô minh, làm duyên sanh thức, tư lương gọi là ý, vô tâm định sai khác, trời Vô tướng ô nhiễm, ô nhiễm trong ba thời:

a. Hằng hành vô minh: Là thứ vô minh vi tế làm chướng ngại

chánh trí, nó luôn có mặt khắp các tâm thiện, ác, vô ký, nơi loài dị sanh trong mọi địa vị, nên gọi là hằng hành. Nó lại là thứ vô minh chỉ tương ứng với thức Mạt-na chứ không có ở các thức khác, nên cũng gọi nó là bất cộng vô minh. Gọi đủ là “Hằng hành bất cộng vô minh”, khác với độc hành bất cộng vô minh, là thứ vô minh chỉ mê lý Tứ đế và chỉ tương ứng với thức thứ sáu. Lại vô minh có hai thứ là tương ứng vô minh, tức vô minh cùng khởi với tham, sân v.v... và độc hành vô minh là vô minh khởi riêng một mình nó. Vô minh nơi Mạt-na cũng khởi với tham, sân, cũng gọi là tương ứng vô minh, nhưng vô minh này đặc biệt luôn có mặt khắp nơi, nên không gọi là tương ứng mà gọi là hằng hành, còn vô minh cùng khởi với tham, sân nơi thức thứ sáu thì là tương ứng. Nếu nó khởi riêng một mình thì gọi là “độc hành” thuộc vào bốn bộ loại kiến hoặc, chỉ do kiến đạo đoạn. Nếu nó khởi chung với mười tiểu tùy phiền não thì gọi là độc hành không phải chủ, thuộc vào năm bộ hoặc, phải do kiến đạo và tu đạo đoạn.

b. Làm duyên sanh thức: Năm thức trước đều lấy năm căn làm câu hữu y, tăng thượng duyên mà phát sanh. Vậy thức thứ sáu cũng phải có chỗ dựa làm câu hữu y, tăng thượng duyên mới phát sanh được. Vậy câu hữu y và tăng thượng duyên của thức thứ sáu là gì, nếu không phải Mạt-na?

c. Tư lương gọi là ý - Khế kinh nói Tư lương gọi là ý. Nếu không có Mạt-na thì ý tư lương này không có.

d. Định vô tâm sai khác: Trong hai định vô tâm là vô tưởng định chỉ diệt thức thứ sáu và Tâm sở của nó; còn Diệt tận định phải còn diệt thêm nhiễm ô ý thứ bảy. Nếu không có nhiễm ô ý thứ bảy thì hóa ra hai định này không khác gì nhau sao?

e. Trời Vô tưởng ô nhiễm: Trời Vô tưởng dứt hết Tâm và Tâm sở của Ý thức. Nếu Ý thức đã không còn, Mạt-na cũng không có thì trời Vô tưởng là cõi còn thuộc trong ba cõi luân hồi, hóa ra không còn ô nhiễm nữa sao?

f. Ô nhiễm suốt ba tánh: Trong cả ba tâm thiện, ác, vô ký của chúng sanh đều là ô nhiễm hữu lậu, nếu không có Mạt-na thì thiện, vô ký làm sao ô nhiễm?

Tóm lại, do giáo và lý chứng minh trên đó, phải có thức Mạt-na. Sở dĩ trong kinh nhiều khi chỉ nói sáu thức, đó là lối nói theo lối lý tùy chuyển, tức chuyển lý Đại thừa rất ráo mà nói, còn nói theo lý Tiểu thừa thì chưa rất ráo. Chứ theo lý rất ráo phải có đủ tám thức.

(32). Đoạn này nói về thức năng biến thứ ba, tức là thức liễu biệt

cảnh hay sáu thức trước, gồm có ba mươi hai câu tụng, từ câu “Thức năng biến thứ Ba”... đến câu “Khi ngủ mê, chết ngất”, được chia ra làm chín môn để giải.

- Môn sai biệt: Thức năng biến thứ ba là liễu biệt cảnh thức, cũng là sáu thức, dựa theo sáu căn mà đặt tên. Thức dựa nhãn căn phát sanh gọi là nhãn thức, thức dựa nhĩ căn phát sanh gọi là nhĩ thức v.v... và vì nó dựa sáu trần mà phát sanh nên cũng có thể gọi là sắc thức cho đến pháp thức. Nhưng khi đã được tự tại như Phật thì chỉ nhãn thức cũng có thể duyên hết thấy trần, cho nên dựa trần mà đặt tên sắc thức, thanh thức v.v... không ổn. Năm trần cũng là pháp nhưng không nói mất thấy pháp mà chỉ nói thấy sắc, vì sắc thanh là cuộc hạn nên chỉ mỗi thức duyên, còn pháp trần là chung, chỉ có Ý thức mới duyên được.

Căn đủ năm nghĩa:

- a. Y căn, tức dựa sáu căn câu hữu.
- b. Phát căn, từ sáu căn phát ra.
- c. Thuộc căn, lệ thuộc vào căn, căn mạnh thấy sáng, căn hỏng thấy mờ.
- d. Trợ căn, giúp cho căn tỏ rõ.
- đ. Như căn, duyên đúng như cảnh của căn.

Môn tự tánh và hành tướng, Sáu thức đều lấy việc liễu biệt làm tự tánh và hành tướng.

- Cảnh có ba là tánh cảnh, đờ chất cảnh, độc ảnh cảnh.

Tánh cảnh cũng gọi là thật cảnh. Cảnh có thật, gồm có hai:

- a. Thắng nghĩa tánh cảnh hay vô chất tánh cảnh, tức là chơn như thật tánh. Cảnh này chỉ do trí chứng, chứ không do thức phân biệt.
- b. Thế tục tánh cảnh hay hữu chất tánh cảnh là cảnh có thật do nhân duyên chủng tử phát sanh chứ không phải do chủ quan phân biệt biến hiện, như năm trần của năm thức duyên, hay như cảnh trong định. Cảnh này tuy có thật, nhưng là thật theo nghĩa tương đối thế tục, chứ không phải theo thắng nghĩa thì năm căn năm cảnh và thức cũng chỉ là giả huyền. Thức thứ tám và sáu thức trước duyên được hữu chất tánh cảnh này.

Độc ảnh cảnh là cảnh ảnh tượng của riêng Ý thức duyên. Có hai:

- a. Hữu chất độc ảnh, là cảnh ở lúc này chỗ này không có, nhưng ở lúc khác chỗ khác có. Như Ý thức hiện tại nhớ lại cảnh đã trải qua.
- b. Vô chất độc ảnh, là cảnh ở lúc này chỗ này không có, mà ở lúc khác chỗ khác cũng không có, như lông rùa sừng thỏ, hay cảnh tượng tượng của Ý thức bịa ra. Khi chưa chứng chơn như tánh cảnh mà Ý thức

biến ra tướng chơn như để quán cũng thuộc cảnh vô chất độc ảnh này.

Đổi chất cảnh, là cảnh thức biến có mang theo chất liệu bên ngoài.

Có hai:

a. Chơn đổi chất, là cảnh lấy tâm duyên tâm, như ý thức duyên hết thấy Tâm, Tâm sở, Mạt-na duyên kiến phần đệ bát.

b. Tợ đổi chất, là lấy tâm duyên sắc. Cảnh này chỉ là cảnh của độc đầu ý thức, là cái tướng mà Ý thức gán thêm lên trên sự vật. Như phân biệt cái bàn, cái ghế, mắt chỉ thấy hiển sắc, hình sắc, thân chỉ đụng chạm cứng, trơn, mũi chỉ ngửi thấy mùi gỗ v.v... thế là độc đầu ý thức lại thấy đó là cái bàn. Trong khi thấy tướng cái bàn, tướng đó vẫn mang theo hiển sắc, hình sắc v.v... cho nên gọi là đổi chất.

Môn ba tánh: Là thiện, ác, vô ký. Sáu thức đều có đủ. Nhưng có ý kiến cho năm thức có đủ ba tánh là do ý thức đạo dẫn.

(33). Môn Tâm sở tương ứng: Ý thức thứ sáu có đủ năm mươi một Tâm sở tương ứng. Đó là năm Biến hành, năm Biệt cảnh, mười một Thiện, sáu Căn bản phiền não, hai mươi Tùy phiền não và bốn Bất định. Còn năm thức thì tương ứng ba mươi bốn thứ Tâm sở là năm Biến hành, năm Biệt cảnh, mười một Thiện, hai Trung tùy, tám Đại tùy, và Tham, Sân, Si.

Các Tâm và Tâm sở đều là pháp duyên sanh. Nó đều có tương quan với nhiều phía, nên sau khi luận giải thích danh nghĩa các Tâm, Tâm sở, tiếp theo còn phân biệt mặt tương quan khác của nó, gọi là phân biệt các môn. Như môn tùy cảnh lập danh, môn câu sanh hoặc phân biệt khởi, môn tự loại tương ứng, môn cùng các thức khởi, môn tương ứng các thọ, môn ba tánh, môn học v.v...

(34). Mười chơn như: Chơn như là thật tánh của tất cả pháp. Không hư vọng là chơn; không biến đổi là như. Thứ nhất biến hành chơn như. Biến hành nghĩa là có mặt khắp mọi pháp. Chơn như vốn không có hai, có ba hướng gì có mười? Sở dĩ chia có mười chơn như là tùy chỗ chứng ngộ cạn sâu sai khác mà chia. Biến thành chơn như là chính, tức nói tánh chơn như biến khắp các pháp. Chơn như đồng nghĩa với chữ “vô vi” ở các nơi khác nói. Như kinh Kim Cang nói: “Nhất thiết Hiền Thánh đều do chứng ngộ vô vi cạn sâu mà chia ra nhiều địa vị sai khác”.

(35) Chữ Duy thức nguyên chữ Phạn là Vijnaptimàtrata. Vijnàpti Tàu dịch âm là Tỳ-nhã-đế, dịch nghĩa là Thức. Chữ Màtrata Tàu dịch âm là Ma-đát-lạt-đa, dịch nghĩa là Duy.

Thức là liễu biệt, nhận biết. Liễu là liễu tri, biệt là biệt chính cảnh. Tức liễu tri mỗi mỗi cảnh riêng biệt, như nhãn thức liễu tri sắc,

nhĩ thức liễu tri thanh v.v...

Thức, nói một cách tổng quát là gồm đủ năm vị tức năm mặt:

1. Thức tự tướng, tức tám thức Tâm vương.

2. Thức tương ứng, tức sáu vị Tâm sở.

3. Thức sở biến, tức hai phần Kiến và Tướng.

4. Thức phận vị tức hai mươi bốn giả pháp Bất tương ưng hành, chúng chỉ là giả tướng sai biệt giữa Sắc và Tâm.

5. Thức thực hành, tức chơn lý, chơn như thật tánh của bốn thứ trên. Như vậy Thức thật tánh là lý, còn bốn thứ trên là sự. Năm vị pháp này là bao quát hết thấy pháp thế gian, xuất thế gian, hữu vi vô vi, hữu lậu vô lậu. Chúng đều không lìa thức, đều là biểu hiện của thức, nên gọi là Duy thức.

Mỗi mỗi hữu tình từ vô thủy vốn có tám thức, sáu vị Tâm sở, các pháp sự lý như vậy. Chúng chỉ hiện hữu được trên thức, ngoài thức ra thì không có hiện hữu nào hết, vì ngoài thức ra thì ta không thể biết có gì cả, nếu ta tưởng tượng có một hiện tượng gì ở ngoài thức, thì nó cũng là thức biến, vì nó là tướng của thức tưởng tượng ra.

Duy có ba nghĩa:

1. Nghĩa giản trì: giản là giản biệt, kén chọn bỏ đi có tánh phủ định, giá thuyên. Bỏ đi cái gì? Bỏ đi hai chấp ngã và pháp thật có. Trì là giữ lấy, có tính khẳng định, biểu thuyên. Giữ lấy cái gì? Giữ lấy thức tướng Y tha khởi và thức tánh Viên thành thật. Các pháp Y tha duyên khởi là tướng của thức. Hai không (ngã không, pháp không) hiển lộ Viên thành thật tánh là tánh của Thức.

2. Nghĩa quyết định: Luận Biện Trung Biên nói: “Thử trung định hữu không, ư bỉ diệc hữu thử” nghĩa là trong thức tướng Y tha duyên khởi thuộc tục sự này quyết định có thức tánh do hai không hiển lộ thuộc chơn lý kia, vì chơn không lìa tục mà có, ngược lại, trong chân lý hai không kia quyết định có tục sự Y tha duyên khởi này, vì tục không thể lìa chơn mà có.

Như vậy “Thức” vừa có nghĩa giá và biểu. “Giá” thì ngăn chặn, loại trừ ngã và pháp thật có ở ngoài thức. “Biểu” thì biểu thị thức tướng Y tha khởi và thức tánh Viên thành thật. Sự và lý, tục và chơn hai mặt quyết định gắn liền với nhau của thức.

3. Nghĩa hiển thắng: Thắng là hơn, là thù thắng, nhằm chỉ cho thức Tâm vương hơn là cho thức Tâm sở mỗi khi nói Duy thức. Khi nói Duy thức là chú ý nói Duy thức Tâm vương.

Trong ba nghĩa trên, trong Duy thức thường chỉ dùng nghĩa thứ

nhất.

(Chú thích số 35 này là dựa theo lời giải thích của Thái Hư Đại Sư).

BA MƯƠI BÀI TỤNG DUY THỨC

1. Do giả nói ngã pháp,
Có tướng ngã pháp chuyển.
Chứng nương thức biến hiện.
Thức biến hiện có ba.
2. Là Dị thực, Tư lương,
Và thức Liễu biệt cảnh.
Đầu, Thức A-lại-da
Dị thực, Nhất thiết chủng.
3. Không thể biết chấp thọ,
Xúc, liễu, tương ứng, xúc,
Tác ý, thọ, tưởng, tư.
Và chỉ có xả thọ.
4. Tánh vô phú vô ký,
Xúc, thấy cũng như thế,
Hằng chuyển như dòng nước.
A-la-hán, bỏ hết.
5. Thức biến hiện thứ hai,
Gọi là thức Mạt-na.
Nương kia chuyển, duyên kia,
Tư lương làm tánh tướng.
6. Tương ứng bốn phần nào,
Là ngã si, ngã kiến,
Và ngã mạn, ngã ái,
Cùng tâm sở Biến hành.
7. Tánh hữu phú vô ký,
Sanh theo A-lại-da.
Chứng La-hán, Diệt định,
Xuất thế đạo, không còn.
8. Thức biến hiện thứ ba,
Sai biệt có sáu thứ,
Tánh tướng là biết cảnh,

- Thiện, bất thiện, vô ký.*
9. Cùng tâm sở *Biến hành*,
Biệt cảnh, Thiện, Phiền não,
Tùy phiền não, Bất định.
Điều tương ứng ba Thọ.
10. Trước là *Biến hành*: *xúc*
Tiếp, là Biệt cảnh: dục,
Thắng giải, niệm, định, tuệ.
Cảnh sở duyên không đồng.
11. *Thiện là tín, tà, quý,*
Không tham, không sân si,
Siêng, an, không phóng dật,
Hành xả và không hại.
12. *Phiền não là tham, sân,*
Si, mạn, nghi, ác kiến.
Tùy phiền não là phần,
Hận, phú, não, tật, xan,
13. *Đối, nịnh và hại, kiêu,*
Không hổ và không thẹn,
Trạo cử với hôn trầm,
Không tin cùng giải đãi,
14. *Phóng dật và thất niệm,*
Tán loạn, không chánh tri.
Bất định là hối, miên.
Tâm, tứ hai đều hai.
15. *Nương dựa căn bản thức,*
Năm thức theo duyên hiện,
Đồng thời khởi, hoặc không,
Như sóng mòi nương nước.
16. *Ý thức thường hiện khởi,*
Trừ sanh trời Vô tưởng
Và hai định vô tâm,
Khi ngủ say, chết ngất.
17. *Các thức ấy chuyển biến,*
Phân biệt, bị phân biệt,
Do kia, đây đều không,
Nên hết thấy Duy thức.
18. *Do thức Nhất thiết chủng,*

- Biến như vậy như vậy,
 Vì năng lực triển chuyển,
 Kia kia, phân biệt sanh.
19. Do tập khí các nghiệp,
 Cùng tập khí hai thủ,
 Thân Dị thực trước hết.
 Lại sanh Dị thực khác.
20. Do biến kế nọ kia,
 Biến kế chủng chủng vật,
 Biến kế sở chấp này,
 Tự tánh toàn không có.
21. Nên nó cùng Y tha,
 Chẳng khác chẳng không khác.
 Như tánh vô thường thấy,
 Thấy đây, mới thấy kia.
23. Chính nương ba tánh này,
 Lập ba vô tánh kia.
 Nên Phật “mật ý” nói:
 “Hết thấy pháp không tánh”.
24. Trước là “Tướng không tánh”,
 Kế, “Không tự nhiên tánh”.
 Sau, do lìa tánh trước,
 Là tánh chấp ngã pháp.
25. Đây, thẳng nghĩa các pháp,
 Cũng tức là chơn như;
 Vì thường như tánh nó,
 Tức thực tánh Duy thức.
26. Cho đến chưa khởi thức.
 Cầu trụ tánh Duy thức.
 Đối hai thủ tùy miên,
 Còn chưa thể phục diệt.
27. Hiện tiền lập chút vật,
 Cho là tánh Duy thức.
 Vì còn có sở đắc,
 Chưa thực trụ Duy thức.
28. Khi đối cảnh sở duyên,
 Trí không sở đắc gì,
 Bất giờ trụ Duy thức,

- Do lia tướng hai thủ.*
29. *Không đắc, chẳng nghĩ nghĩ
Là trí xuất thế gian.
Vì bỏ hai thô trọng,
Chứng đắc hai chuyển y.*
30. *Đây, tức giới vô lậu,
Chẳng nghĩ nghĩ, thiện, thường.
An lạc, thân giải thoát,
Đại Mâu ni pháp thân.*

Trong ba mươi bài tụng này, hai mươi bốn bài đầu là nói rõ Tướng Duy thức. Bài thứ hai mươi lăm, nói rõ Tánh Duy thức. Năm bài sau chót nói năm hạnh vị tu chứng.

Trong hai mươi bốn bài đầu, một bài rưỡi đầu lược biện Tướng Duy thức; hai mươi hai bài rưỡi tiếp theo rộng biện Tướng Duy thức.

